

Vấn Đáp (5)

Kalama tri ân đh Nguyễn Thị Ngọc Ánh ghi chép.

[06/10/2025 - 03:18 - anhlibrary]

Câu hỏi 1:

Bậc Chánh Đăng Giác được Đức Phật quá khứ thọ ký trở thành Phật, vậy thì: vị Phật đầu tiên do ai thọ ký?

Trả lời:

Cái câu này để trả lời đó thì là phải học giáo lý cả đời, nếu mà trả lời cho nó tới nơi thì là phải học giáo lý cả đời, còn nếu mà trong cái thời lượng mình như thế này thì chúng tôi trả lời hên xui. Hên xui có nghĩa là bà con nào nghe được thì nghe, còn không nghe được thì thôi, chứ bây giờ mà bà con không có giáo lý mà nghe cái này thì nó hơi mệt.

Trong cái 62...trong cái gọi là Tà kiến nó gồm có Thường kiến và Đoạn kiến. Thường kiến và Đoạn kiến có nghĩa là chấp hữu, chấp vô. Tôi giải thích bà con tự học thêm nha? Thì được Đức Phật Ngài nói rộng ra thành 62 Tà kiến, thì trong 62 Tà kiến đó có một thứ Tà kiến gọi là...cho rằng thời gian nó có điểm bắt đầu, cho rằng không gian nó có giới hạn đó là một thứ tà kiến là vì sao? Là vì khi mình hiểu rằng là trong cái vòng tròn của giáo lý Duyên khởi là tiền tiền vô thủy, hậu hậu vô chung, thì chính ở trong Trường Bộ Kinh các vị mở cái Kinh Đại Duyên, thì trong đó Đức Phật Ngài có dạy rất rõ, đó là không nên nói tới cái điểm bắt đầu của cái dòng sanh tử bởi vì đó là cái chuyện mà nói ra chúng sanh không có hiểu. Chư Phật không có nói con gà có trước cái trứng hay là cái trứng có trước con gà. Mà chư Phật chỉ cho mình biết rằng muốn có trứng thì phải có con gà, muốn có con gà thì phải có trứng, đó, chỉ khoanh vùng bấy nhiêu đó thôi.

Chứ còn mà nói theo A Tỳ Đàm thì cái khái niệm trước sau, trong ngoài, trên dưới, xa gần, đầu và đuôi nó là một cái thứ giả niệm, một thứ vọng niệm. Hồi này tôi nói hên xui là chỗ đó, tôi nói bà con hiểu được thì hiểu, còn không phải học giáo lý. Giáo lý thì không chịu học mà cứ đi hỏi mấy câu này. Thì mình chỉ cần biết là không nên quan tâm đến cái chuyện con gà có trước hay là cái trứng có trước mà chỉ cần biết muốn có gà thì phải có trứng, muốn có trứng thì phải có con gà. Đức Phật chỉ cho mình biết rằng vì đâu mà mình có mặt ở đây. Bây giờ mình không muốn có mặt nữa thì mình phải làm gì? Có nhiều đó thôi. Còn vấn đề cái vị Phật đầu tiên là không bao giờ, không bao giờ nên nói tới là bởi vì hễ có vị Phật đầu tiên có nghĩa là có cái điểm bắt đầu của cái sự hiện hữu trong vô lượng vũ trụ và đó là một thứ Tà kiến, giáo lý thì không chịu học.

Giống như bên Vật lý mình không chịu học thì mình không thể hiểu được cái chiều không gian thứ 4, thứ 5 thí dụ như vậy. Những cái ý niệm mà về cái thuyết tương đối của Einstein, hoặc những phát biểu về BigBang, cái đó không học vật lý mà chỉ có lớp 2, lớp 3 mà kêu người ta giải thích cho hiểu đó, thì cả một vấn đề, đó là một vấn đề, là một nhiệm vụ bất khả thi, impossible mission nha.

Cho nên là ở đây tôi chỉ nói vắn tắt rằng khi bạn tâm đến điểm đầu, điểm cuối của thời gian, bạn tâm đến cái gọi là giới hạn của không gian đó là một thứ Tà kiến. Mình chỉ cần biết đại khái là với sự hiện hữu của chúng sinh và vũ trụ nó chỉ là sự công hưởng của Tâm và Vật, với sự tác động của vô số duyên, đây, hễ nó còn có duyên thì nó còn xuất hiện và khi đủ duyên thì nó kết thúc và nếu còn duyên thì nó tái hiện trong một hình thức khác chỉ biết tới đó thôi. Chứ còn mình bàn đến cái điểm bắt đầu là một thứ Tà kiến, còn vì sao vậy thì phải học giáo lý.

Thì trong Kinh dạy, bài Kinh mình mới vừa rồi mình học, ngày nào còn có già, bệnh, chết thì ngày đó còn có chư Phật. Ở đâu và lúc nào còn có già, bệnh, chết thì ở đó có thể có Chư Phật xuất hiện, mình chỉ biết tới đó thôi và chư Phật thoát kỳ thủy cũng là những chúng sinh y như mình không có khác với mình một gram nào hết, một gram cũng không khác. Nhưng mà do thân cận mình sự thiện hữu, các vị đó mới có cái sơ phát bồ đề tâm, có Đại Bi, Đại Trí và Đại Dũng.

- Đại trí là hiểu mọi thứ là giả.

- Đại bi là thương những đứa không hiểu đó là giả.

- Và hai cái này cộng lại nó ra cái Đại dũng, có nghĩa là không có sợ gian nan, kiên trì Phật đạo, Phật hạnh suốt thời gian dài và cuối cùng trở thành Chánh Đăng Giác vô thượng Bồ Đề.

Và mình chỉ biết Phật là như vậy thôi, còn kêu mình bàn tới vị Phật đầu tiên là không. Mình chỉ cần biết vị Phật nào cũng phải trải qua thời gian tu hành, cực kỳ gian khó, mà thậm chí chữ cực kỳ cũng không có đủ nữa mà phải là cực kỳ mà cực kỳ lũy thừa, lũy thừa một tỷ chứ không phải... khó lắm thì mới thành Phật. Mình chỉ biết tới đó thôi.

Do có cái Đại Trí, Đại Bi nó có cái Đại dũng, và ba cái đó Đại trí, Đại bi và Đại dũng này là hình thành nên cái gọi là nhân cách của Bồ Tát và khi mà công viên quả mãn thì vị đó trở thành một Đức Phật, chỉ cần biết nhiều đó.

Đó là câu trả lời cho câu số 1. Xin hỏi tiếp.

Câu hỏi 2:

Một số vị Sư giảng pháp rất hay và sâu sắc. Nhưng sau khi con xuất gia và sinh hoạt chung, con không còn tin tâm vào một số vị, đồng thời con bỗng thấy mất niềm tin nơi chính sự tu tập của con. Nhưng con vẫn có niềm tin vào giáo Pháp và sự Giác Ngộ của Đức Phật. Con nên chấn chỉnh suy nghĩ của con như thế nào?

Trả lời:

Không nên chấn chỉnh cứ giữ nguyên như vậy mà đi tới. Và một cái điển hình sống đó là tôi. 56 tuổi, tôi bị sỏi thận, tôi bị tiểu đường, bị cholestérol, bao tử bị burn, thường xuyên bị viêm loét, tôi yếu lắm và tôi phải dùng thuốc, buổi đầu là thuốc tây, rồi sau đó là phải điều chỉnh chế độ ăn uống, và cuối cùng là coi nặng về thuốc nam. Tức là ăn thuốc trước khi phải uống thuốc và trong số những người mà làm thầy, làm bà, góp ý cũng có, đề nghị cũng có, khuyên nhắc chúng tôi nên ăn cái này, nên uống cái này, nên cử cái này, nên kiêng cái nọ. Mà chính họ, họ không có kiêng, cái chuyện đó đối với tôi tuyệt đối nó không có thành vấn đề. Tôi khẳng định là tuyệt đối không thành vấn đề. Bởi vì trong số những lời khuyên đó, lời khuyên nào tôi thấy OK, hợp lý thì tôi theo. Còn bản thân họ bây giờ một ngày mà họ có tắm bằng rượu, giải khát bằng rượu, một ngày mà họ có ăn một tấn hải sản và thịt mỡ, một tấn đường, một tấn thực phẩm chế biến thì đối với tôi chuyện đó tuyệt đối không thành vấn đề, có điều là những gì mà họ góp ý cho tôi về vấn đề thực dưỡng, về vấn đề phòng bệnh chữa bệnh mà thấy ổn thì tôi theo. Tôi chỉ theo chân lý chứ tôi không có theo cái người rao giảng chân lý. Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai, cái gọi là Tam Bảo mình hiểu đó, nên điều chỉnh lại, thông thường nên điều chỉnh lại bởi vì:

- Phật bảo gọi là Đức Phật nói riêng và Chư Phật nói chung.

- Còn Pháp Bảo là cái lời dạy của Chư Phật, cái con đường mà Chư Phật đi và những gì mà Chư Phật thuyết giảng.

- Còn Tăng Bảo là những cá nhân gồm có tóc và không tóc, chư thiên và nhân loại hành trì đúng mức lời dạy của Chư Phật và trở thành Thánh nhân. Đó gọi là Tăng Bảo.

Còn ngoài cái đối tượng đó ra thì tùy duyên, chúng ta hợp với vị nào thì mình theo vị đó. Theo đây có nghĩa là gì? Họ là một cái địa chỉ để mà mình tham khảo, có những vị có cái để mình nhìn, có vị có cái để mình nghe. Cái gì đáng nhìn thì mình nhìn, cái gì đáng nghe thì mình nghe. Cái sai lầm của mình là mình đòi hỏi cái bà bán bánh mì phải là hoa hậu mình mới ăn, cái người dược sĩ mà bán thuốc phải có 6 múi và có ba vòng, phải có tỷ lệ vàng ở trong các chi của cơ thể thì mình mới mua thuốc, thì cái đó theo tôi, theo tôi thôi nha, theo tôi thì không cần thiết. Người Dược sĩ mà bị ung thư kỳ cuối hoặc là một bà bán bánh mì hoặc là một cái ông tài xế taxi mà ông có cái đời tư ra sao đi nữa đối với tôi không thành vấn đề. Tôi cần taxi tôi đi taxi một đoạn đường, tôi cần bánh mì thì tôi mua bánh mì và tôi xin hứa tôi chưa bao giờ tôi đi điều tra tìm hiểu tò mò, tọc mạch đời tư của bất cứ một cái bà cô, ông cậu nào bán bánh mì, chưa bao giờ, chưa bao giờ, tôi nghĩ có người trong room này tin chuyên đó, có người chứ không hẳn là Việt Nam thì khó nói lắm, nhưng mà có người tin tôi, tôi chưa đi điều tra đời tư của một cái bà bán bánh mì, thì Tăng ni, Phật tử kể cả kinh sách, kể cả kinh sách thì mình thấy cái điểm nào mà chấp nhận được thì mình chấp nhận thì còn ngoài ra thì mình phải mắt nhắm, mắt mở. Chứ còn mà mình đòi hỏi cuốn sách đó phải là bìa cứng, mạ vàng, rồi in bằng cái loại giấy thánh kinh, rồi giấy của Thụy Điển, rồi giấy của Hy Lạp thì tôi chưa bao giờ tôi có cái đòi hỏi khó khăn như vậy. Sách thì tôi chỉ đọc thôi, thậm chí tác giả thì tôi cũng có cân nhắc, cũng nói vậy thôi chứ tôi cũng coi cuốn đó nói cái gì rồi tôi dò mục lục tôi đọc thôi. Chứ còn ngoài ra thì in bằng giấy gì? Bao bì, mẫu mã ra sao? Hoặc là kể cả tác giả đó có nổi tiếng hay

không nổi tiếng thì ở đây ai đọc sách thì chắc tin lời tôi nói, tôi ra ngoài nhà sách, lần nào về Việt Nam tôi cũng đi một vòng mấy nhà sách, nhà sách Cá chép, cá trê gì đó, đảo một vòng, tôi thấy cuốn nào mà tôi thấy...như kỳ rồi tôi thấy...tôi đang đi tìm hiểu cái cuốn về...tôi thấy có mấy sách về Phật học...như kỳ rồi tôi tìm được cuốn Phật học, Phật giáo Tây Vực, Phật giáo Đôn Hoàng thì mình thấy cũng hay hay, tôi rước về thôi, chứ còn tôi không quan tâm.

Mình sống ở đời là phải gạn đục khơi trong, mình phải chiết trung có nghĩa là mình nhắm cái gì mà nó cần cho mình, chứ còn mà mình đòi hỏi một cái kiểu mà cầu toàn, trong khi đó...khó lắm...trong khi đời nó là vốn là bất toàn. Chỉ đơn giản vậy thôi. Vậy xong câu trả lời.

Câu hỏi 3:

Tập trung vào các hoạt động nghệ thuật như vẽ tranh, chơi nhạc cụ (một cách lành mạnh) có lợi ích hay tiềm ẩn nguy cơ gì với người thực hành thiền định, chánh niệm hay không?

Trả lời

Tôi thưa với bà con thế này. Cái gì trên đời này nó cũng có nhiều cái cấp độ. Cấp độ và mức độ, trình độ. Mình nhớ chữ độ: cấp độ, mức độ, và trình độ, mình muốn có một cái khu vườn vài mẫu, hay là một khu vườn vài trăm mét vuông hay là một khu vườn kiểu người dân Tokyo, khu vườn khoảng chừng ba mét vuông (3m2) thôi, trong nhà người Nhật ở Tokyo, có những khu vườn cát, hay là vườn cỏ, hay là vườn sỏi, một cái góc không gian bé xíu ở đằng sau nhà để mà họ di dưỡng tinh thần.

Mình thấy một khu vườn của bà Hoàng Thái hậu Thái Lan cả mấy chục mẫu ở Chiang Mai, vườn Victoria ở Vancouver Canada, Mainau ở Đức, rồi một cái khu vườn Nhật mà tôi nói một là khu vườn tư nhân nhỏ xíu xiu vài mét vuông ở Tokyo thì cái nào cũng là vườn hết.

Rồi thức ăn cũng vậy, mình muốn là đầu bếp của khách sạn nhà hàng 5 sao, hay là của một quán cóc ven đường hay là chỉ là một bà nội trợ nấu cho chồng con ăn...thì cái nào cũng là nấu ăn hết.

Vườn cũng vậy mấy chục mẫu cũng là vườn, vài mét vuông cũng là vườn. Nấu ăn, nấu cho nguyên thủ thế giới ăn cũng là nấu ăn, cũng là đầu bếp, mà nấu cho một quán cóc cũng là đầu bếp, mà nấu cho người nhà mình ăn cũng là đầu bếp.

Tu hành cũng có nhiều mức độ, nhiều cấp độ, thì mình muốn miên mật rốt ráo thì phải học giáo lý, phải học giáo lý. Còn cái học ở đây, học bao nhiêu thì tùy. Có người thuộc lòng Tam Tạng, có người thêm cái chú giải, có người vài bộ kinh, có người thì đọc vài cuốn sách, có người thì tham dự vài khóa thiền, nghe vài băng giảng. Đó gọi là giáo lý của họ đó.

Còn cái đời sống chánh niệm thì có người là hành giả bậc 1, bậc 2, và bậc 3, tức là bậc thượng, trung, hạ. Thì tùy mình, mình ở cấp nào thì mình hành trì ở cái mức độ mà mình đã chọn, khả năng mình cho phép.

- Hành giả bậc hạ đó là...thì sau cái giờ thiền tọa và thiền hành một tiếng, hay là hai tiếng gì đó là bung lụa, có nghĩa là muốn làm gì thì làm, đua xe, shopping, ăn nhậu, bài bạc, chích hút, tha hồ, cứ ngay ngời thiền đúng giờ thiền hành thiện tọa bao nhiêu đó, rồi bung ra muốn làm gì thì làm, hung thần ác quỷ, côn đồ, ác xác, tha hồ không ai cản mình hết. Đó là bậc hạ, có nghĩa là sau cái giờ tu hành là có thể sống bất thiện không ai cản mình hết.

- Rồi cái loại Hành giả thứ hai là bậc trung có nghĩa là sau khi mà...sau cái giờ thiền tọa thiền hành là chỉ làm toàn việc lành thôi, nhưng có điều thất niệm. Làm toàn việc lành nhưng thất niệm, có nghĩa là sao? hái rau, chùi cầu, quét nhà, lau tượng, hút bụi, hốt rác, đốn cây, nhổ cỏ, nên nhớ thì niệm, mà quên thì thôi, nhưng mà làm toàn việc lành. Đó là bậc trung.

- Còn Hành giả bậc thượng là họ không có tu bằng cái đồng hồ, mà buổi sáng dậy vừa giật mình thức giấc là họ chánh niệm. Chánh niệm suốt từ trên giường bước xuống, rồi đi vô nhà tắm, nhà bếp, rồi xuống phòng khách, lau dọn, hút bụi, điểm tâm rồi đi làm, luôn luôn sống trong chánh niệm cho đến chiều, đến tối rồi đi vào giấc ngủ thì thôi. Chánh niệm liên tục. Và đối với họ cái chuyện mà ngồi bao lâu không quan trọng, tùy hỷ, tùy duyên. Có nghĩa là thấy tiện thì ngồi nhưng mà liên tục chánh niệm. Rồi đi nằm một lát cũng chánh niệm cho đến bao giờ ngủ thì thôi. Rồi cứ mở mắt dậy là chánh niệm suốt. Chánh niệm và nhận diện cái gì đang diễn ra, và đang xảy ra, đang hiện tại, hiện hữu.

Thì mình tự xét coi cái sức của mình là hành giả hạng nào. Còn cái chuyện mà sinh hoạt văn nghệ cái đó tuyệt đối không thành vấn đề, chỉ cần mình là cư sĩ.

Tôi nhớ tôi đọc ở đâu đó một cái câu trả lời của một cô gái cho một anh thanh niên theo đuổi. Cô nói một câu mà tôi rất là tâm đắc, cô nói: Đối với em cái tiêu chuẩn đàn ông thoải mái lắm, đơn giản lắm. Em nói anh đó, gia thế thì mờ ám, bản thân thì ám muội, bị giang hồ truy sát, pháp luật truy nã, nghiện ngập chích hút, xấu trai, nghèo khó, bệnh tật đầy mình, không có chí tiến thủ, học hành thì dốt nát, mặt mũi thì xấu hơn người, tứ chi thì đảo lộn, đối với em không thành vấn đề, miễn là anh đừng có cưới em thôi. Miễn là anh đừng cưới em là anh muốn cỡ nào em cũng chiều hết.

Thì thế giới này nó là tùy duyên, tùy mình thôi. Nhưng mà nhớ là mình đừng có để mình phải xa đà, đổ đốn, chứ còn mà cái mức độ tu tập thì tùy duyên. Xong. [18:45]

[06/10/2025 - 10:53 - hongtran411]

[19:29]

Hỏi:

Xin sư chia sẻ kinh nghiệm đọc sách (ngoài Chánh Kinh) như thế nào và với nội dung gì để hợp với tinh thần Chánh Pháp và hỗ trợ tu tập?

Đáp:

Trong Chú giải Pháp Cú có nói thế này:

Biết đạo khi còn tuổi trẻ thì ba phần tư thời gian là học, một phần tư là hành.

Biết đạo khi trung niên thì nửa học, nửa hành.

Biết đạo khi lớn tuổi nhưng còn khỏe mạnh thì ba phần hành, một phần học.

Còn khi cận tử, thì 100% là hành.

Đó là điều thứ nhất – nghĩa là không phải lúc nào học cũng là tốt, mà phải biết thời điểm. “Học” ở đây bao gồm cả việc đọc, ghi chép, rà soát sách vở, tài liệu.

Điều thứ hai: đọc sách gì thì phải tùy theo nhu cầu của mình, không ai nói giùm được. Mình phải “treo chữ nhu cầu trước trán mà đọc”.

Nếu học Phật để trở thành hành giả, thì cách học khác.

Nếu học để làm học giả, giảng sư, để gây dựng đạo nghiệp, giao lưu với thiên hạ, thì cách học lại khác.

- Nếu học để mở rộng hiểu biết, thì càng rộng càng tốt. Có thể đọc Tứ Thư Ngũ Kinh của Trung Hoa, Talmud của Do Thái, Upanishad, Bhagavad Gītā, Veda của Ấn Độ giáo, Tam Tạng Phật giáo, Đạo Tạng của Lão giáo, Cựu Ước, Tân Ước của Cơ Đốc, hay Kinh Koran của Hồi giáo. Ngoài ra có thể đọc văn học như Phong Thần, Thủy Hử, Tây Du, Hồng Lâu Mộng, Truyện Kiều, hay các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn – đọc được gì thì đọc, tùy nhu cầu.

- Nếu chỉ muốn học để khoe khoang, nói cho hay, thì đọc gì cũng vậy, miễn “nổ” được thì đọc.

- Nếu muốn học để chuyên sâu Phật học, thì chỉ nên học Phật học thôi.

- o Theo Nam truyền thì nên học Pāli, Tích Lan cổ, hoặc Miến cổ.

- o Theo Bắc truyền thì nên học Sanskrit hoặc Hán cổ.

- Còn nếu chỉ muốn “bóc phét ăn đồ”, thì đọc mấy tài liệu Phật học bằng tiếng Anh, tiếng Đức, không cần tra bản gốc làm gì.

- Nếu muốn học để hành, để trở thành hành giả thật sự, thì phải có căn bản A-tỳ-đàm (Abhidhamma).

Nhiều người ghét A-tỳ-đàm như kẻ giết cha, nhưng thật ra học rồi quên vẫn tốt hơn là không học. Đó là đề nghị của tôi: trước khi đọc, hãy xem mình học để làm gì, vì nhu cầu nào, rồi từ đó mới chọn loại sách phù hợp.

Chứ không phải ai học võ cũng giống nhau – mục đích khác nhau, cách học cũng khác nhau.

Rồi, xong.

Hỏi:

Tại sao A-hàm và Nikāya là hai bộ kinh khác nhau nhưng lại có lịch sử kết tập giống nhau?

Đáp:

À... cái này mệt à nha, cái này mệt à. Cái này là câu hỏi “nặng ký” đó.

Trước hết, mình nói từ góc độ Nam truyền nha. Bên Nam truyền thì chỉ nói tới sáu kỳ kết tập.

Buổi đầu, toàn bộ giáo pháp của Đức Phật chưa chia thành ba tạng như bây giờ, mà chỉ được gọi chung là Pháp và Luật (Dhamma–Vinaya).

Pháp về sau mới được sắp xếp lại và chia thành năm bộ Nikāya:

- Dīgha là Trường Bộ,
- Majjhima là Trung Bộ,
- Saṃyutta là Tương Ưng Bộ,
- Aṅguttara là Tăng Chi Bộ,
- Khuddaka là Tiểu Bộ.

Lúc buổi đầu đó, Pháp và Luật còn được kể chung, chỉ gọi chung là “Pháp và Luật”, chưa có phân tạng như bây giờ.

Còn cái A-hàm đó – tôi nói từ góc độ Nam truyền nha – thì nó là một tập đại thành. Nó gồm một phần của Kinh tạng Pāli, và một phần của chú giải, của số giải đời sau.

Trong A-hàm, ta thấy có nhiều bài kinh kể chuyện đời sau, mà trong Nikāya thì không có. Thí dụ như các giai thoại về vua A Dục (Asoka) chẳng hạn – đó là chuyện xảy ra ba trăm năm sau khi Phật tịch. Ở trong Nikāya thì không có nói, nhưng trong chú giải thì có, và trong A-hàm thì lại xuất hiện. Cho nên nói cho đúng, cái A-hàm đó là một sự tập hợp, chắp vá lại – nửa Kinh tạng Pāli, nửa phần chú giải. Bởi vậy nó mới có một số chỗ mang hơi hướng đời sau, chứ Nikāya thì rất thuần, chỉ giữ phần Chánh kinh.

Giờ nói về ngôn ngữ học một chút để dễ hiểu nè.

Thí dụ như tiếng Anh: tiếng của thời Anglo-Saxon nó khác với thời Shakespeare, mà lại khác nữa với thời Dickens, rồi khác luôn với thời Harry Potter bây giờ. Đó là sự thay đổi theo thời gian.

Hay như tiếng Phạn (Sanskrit) cũng vậy. Tiếng Phạn của Panini, Patañjali (tức là loại Sanskrit cổ điển), nó khác với tiếng Phạn của Kinh Pháp Hoa hay Hoa Nghiêm, Lăng Già.

Tiếng Việt mình cũng thế. Tiếng Việt thời Nguyễn Thuyên, Nguyễn Trãi nó khác với thời Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, khác với thời Hồ Biểu Chánh, Phạm Quỳnh, rồi khác nữa với tiếng Việt sau Cách mạng, cho tới giờ của thời Internet.

Cho nên, khi nói về A-hàm với Nikāya, phải hiểu rằng lớp vỏ ngôn ngữ của hai bên khác nhau – đó là điều đầu tiên.

Rồi tới nội dung:

Cái bản gốc Phạn văn của A-hàm thì không còn nguyên vẹn, chỉ còn rải rác, được phục dựng từng phần thôi. Về nội dung, như tôi nói, nó là sự pha trộn giữa một phần kinh tạng Pāli và một phần các số giải, chú thích đời sau.

Về kết tập, phải nhớ rằng: khi nội dung đã pha trộn như vậy, thì cái quá trình kết tập nó cũng kéo dài hơn. Không phải ra đời ở một thời điểm cụ thể, gọn gàng, như hệ Pāli. Vì nó gom nhiều nguồn khác nhau, cho nên mới thành ra một tập đại thành lớn.

Còn bên Bắc truyền, họ có thể nói rằng A-hàm được biên soạn hay hệ thống lại vào đời vua Kaniska, hoặc giai đoạn xuất hiện của A-tỳ-đàm Câu-xá, Tỳ-bà-sa, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... Còn bên Nam truyền thì nói rõ hơn, có thứ lớp từng kỳ, từng năm.

Bên đây (Nam truyền) kể rất chi tiết:

- Kỳ kết tập thứ nhất: ở Vương Xá, ba tháng sau Phật nhập Niết-bàn, có 500 vị A-la-hán tham dự.
- Kỳ hai: ở Tỳ-xá-ly, 100 năm sau, kéo dài 7 tháng.
- Kỳ ba: thời vua A Dục, ở Pāṭaliputta.
- Kỳ bốn: tại Tích Lan – lần đầu chép kinh trên lá bối.
- Kỳ năm: tại Mandalay (Miến Điện), năm 1871.
- Kỳ sáu: tại Yangon (Miến Điện), năm 1954–1956, kéo dài hai năm.

Đó là truyền thống rõ ràng, có người, có thời gian, có địa điểm cụ thể.

Cho nên khi nghiên cứu, phải xét ba mặt:

1. Lớp vỏ ngôn ngữ học – vì chữ nghĩa, từ ngữ qua từng thời kỳ khác nhau.
2. Nội dung – chỗ nào là nguyên thủy, chỗ nào là thêm thắt, chú giải.
3. Lịch sử – bối cảnh, thời điểm, nhân vật, vùng văn hóa.

Và nhớ cho kỹ cái này nè: lịch sử cũng là một ngành khoa học, giống như khảo cổ học vậy. Mà đã là khoa học thì phải lạnh lùng, khách quan, trung thực. Không được để cảm xúc, tự ái, hay lòng tự tôn xen vào.

Nhiều người vì cảm tính, bị cuốn vào việc bảo vệ cái mình tin, dù bản thân cũng nghi ngờ. Làm vậy là gieo họa cho chúng sinh, tự lừa lấy mình. Rồi trăm năm sau, mình nằm xuống, cái sự nghiệp mình để lại – ai xài? Một sản phẩm của sự lừa dối. Cho nên phải cẩn thận chỗ đó.

Hỏi:

Điều kiện để nghiệp thiện trở quả là gì?

Đáp:

À, cái này có rất nhiều cách nói, rất nhiều cách nói... nhưng mà nói gọn lại thì vẫn là ba nền tảng căn bản. Ba nền tảng sinh tử:

1. Tiền nghiệp
2. Khuynh hướng tâm lý
3. Môi trường sống

Tiền nghiệp là gì? Thí dụ như kiếp xưa mình tạo quá nhiều nghiệp xấu thì kiếp này mình bị đọa ngạ đầu. Lát nữa tôi sẽ nói chỗ này, lát tôi quay lại cho thầy. Bị đọa ngạ đầu thì cái tiền nghiệp nó cũng khó trở lắm, nó phải cần đến cái môi trường, phải không? Nó cần đến môi trường cho nên tiền nghiệp mình nhiều.

Thứ hai là khuynh hướng tâm lý. Có những cái thiện nghiệp nó đòi hỏi anh phải có thiện tâm nó mới trở được. Thí dụ kiếp xưa anh gieo cái phước lành, gieo cái nghiệp được thân cận bậc lành; nhưng đời này anh sinh ra là người sân si, cực đoan, chủ quan thì cái chuyện thân cận bậc lành cũng không giúp được gì cho anh. Anh sống chung quanh toàn người tu hành chánh kiến, trí tuệ ngút trời, nhưng cái khuynh hướng tâm lý của anh không cho phép anh đón nhận họ.

Rồi cái cuối cùng là môi trường sống. Có những môi trường sống khiến một số thiện nghiệp không trở nổi.

Cho nên mới nói: thiện nghiệp muốn trở quả phải hội đủ cả ba điều kiện: tiền nghiệp thuận lợi, khuynh hướng tâm lý phù hợp và môi trường hỗ trợ.

Bây giờ nói tới lực nhân quả. Mình thường chỉ biết có một thôi, trong khi lý nhân quả, cái lực nhân quả gồm có bốn:

1. Nhân tạo quả: nhân thiện tạo ra sướng thân sướng tâm, nhân ác tạo ra khổ thân khổ tâm, đưa vào cảnh giới sa đọa. Nó cho ra hai thứ nghiệp: nghiệp tái sinh và nghiệp trong đời sống hiện tại. Tái sinh vào cảnh khổ thì bình sinh chịu khổ; tái sinh vào cảnh lành thì bình sinh được hưởng quả lành.

2. Quả tác động quả: khi do cái quả thiện ác đời trước, bây giờ mình sinh ra trong một môi trường nào đó thì mình sẽ dễ dàng nhận được quả lành hay quả ác. Thí dụ kiếp này làm con chó, thì trong hình hài con chó tôi đâu có được quyền lợi của con người: đâu có đi tranh cử thủ tướng, tổng thống, đâu có lên báo chí, truyền hình, đâu có được tiếng vỗ tay, tràng hoa, xin chữ ký... Hay tôi đầu thai vô gia đình Hồi giáo thì tôi đâu có đi nhà thờ Catholic được; sanh vô nhà Catholic thì đâu có đi nhà thờ Baptist, Tin Lành; sanh vô nhà thờ Chúa thì đâu có theo chùa được. Rồi sanh vô gia đình giàu có, tôi bị dính mắc trong tình cảm, tài sản, quyền lực, điều kiện ràng rịt của thế gia hào môn, cũng tù đầy lắm. Nghèo tí còn đỡ, nhưng có thân phận đó thì khó.

3. Quả tác động nhân: nhiều khi do quả xấu hoặc do quả tốt mà nó làm cho cuộc đời mình dễ thở hơn hoặc khó thở hơn. Nhiều khi quả xấu mà nó làm cho mình dễ thở hơn, có luôn; có khi quả lành trở làm mình khó thở, bị ngạt thở hơn, có luôn – nghĩa là mình không sống thiện như ý mình muốn được. Hoặc có trường hợp do cái quả trở cho mình sống thiện dễ hơn, hoặc sống ác dễ hơn.

4. Nhân tác động nhân: khi nhiều đời mình làm thiện thì đời này sanh ra mình dễ có thiện tâm. Gặp cảnh khổ tự nhiên mình chạnh lòng trắc ẩn. Còn nhiều đời mình hung đồ ác sát, máu lạnh thì đời này sanh ra không biết thương ai, không quan tâm đời sống tâm linh, tinh thần, có chút đỉnh ăn chơi hưởng thụ, xa đà, không để ý tâm linh tinh thần. Đó gọi là nhân tác động nhân – kiếp xưa mình từng sống với cái nhân nào thì bây giờ mình quay trở lại theo cái thói quen.

Nhớ ha... rồi xong rồi.

Hỏi:

Bốn người sanh cùng ngày với Bồ Tát Siddhattha là những vị nào ạ?

Đáp:

Mấy cái này là... mấy cái tôi cho là mấy câu hỏi tào lao!

Một là, muốn thử tôi — mà nếu thử tôi thì không nên.

Hai là, mấy cái này trong sách có hết rồi.

Tự nhiên có mấy trường hợp... chắc ngứa quá, không biết hỏi gì thì bịa tầm bậy ra mà hỏi!

Thì đúng là: ngài Ānanda, rồi bà Yasodharā (Da-du-đa-la), rồi ngài Kāḷudāyī, đại khái vậy đó.

Nhưng mà, nói thiệt nha — người sanh cùng ngày với Bồ Tát nhiều lắm!

Đâu phải chỉ có mấy người đó.

Đâu có mắc mớ gì mà phải hỏi, Phật sanh ra thì cũng có bao nhiêu người khác sanh trong ngày đó chứ.

Cho nên cái này hỏi tào lao nha, tào lao!

Cái buổi giảng chủ nhật này là để giúp bà con học những cái phải đọc nhiều, chứ mấy cái này bà con mở sách ra là có, thậm chí có Google mà!

Cái này là loại “quờn”, ngứa ngứa hỏi chơi thôi chứ không có cầu học.

Người mà cầu học, cầu trí tuệ thì không nên hỏi mấy câu kiểu đó.

Rồi, vậy thôi, ok, xong.

Hỏi:

Hành giả sơ cơ thì nên học lộ trình như thế nào và nghiên cứu Kinh tạng từ đâu?

Đáp:

Cái này... cái câu này đã trả lời rồi đó nha. Đã nói rồi, xin nghe lại câu hỏi này.

Hỏi:

Tại sao có những thời kỳ các vị Phật Chánh Đẳng Giác không để lại giáo pháp sau khi nhập diệt?

Đáp:

Một chữ thôi — duyên.

Có nghĩa là công hạnh, công đức, trí tuệ, lòng đại bi... mọi thứ của chư Phật không khác nhau một gram nào hết, một nanomet cũng không khác.

Tất cả các vị Phật đều bình đẳng tuyệt đối về công đức, trí tuệ, đại bi, đại dũng.

Nhưng khác nhau là do duyên chúng sanh mỗi thời kỳ.

Tùy duyên của mỗi thời, mà các ngài có cách hướng dẫn khác nhau.

Còn muốn coi cho kỹ thì đừng có tin tôi hoài — vào trong Tạng Luật, ngay nửa phần đầu của bộ Luật đầu tiên, có nói rất rõ:

có những vị Phật để lại một hệ thống giáo pháp quy mô, hoành tráng như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni;

nhưng cũng có những vị chỉ để lại vài lời dạy đơn giản, hoặc không để lại hệ thống kinh điển nào cả — là do duyên chúng sanh của thời đó.

Thời Đức Phật Thích Ca, chúng sanh rất phức tạp, đa dạng, cho nên Ngài phải thuyết pháp tùy căn cơ, tùy người:

sáng gặp ông vua, trưa gặp ăn cướp, chiều gặp kỹ nữ, tối gặp học giả...

Thành ra những bài pháp rời rạc đó, về sau các đệ tử kiết tập lại mới thành ra một hệ thống kinh điển minh mông, bao la, bát ngát như mình thấy bây giờ.

Còn có những thời kỳ khác, chúng sanh đơn giản lắm.

Một lần Phật thuyết pháp là nguyên một rừng người tới nghe, không cần gặp riêng từng người như thời Đức Phật Thích Ca.

Thời Phật Thích Ca thì nhiều khi chỉ có một, hai người le que, mà nhiều trường hợp Ngài còn phải đích thân đi tìm họ để thuyết pháp.

Còn các vị Phật quá khứ hay vị lai, có những thời kỳ mà chúng sanh chất phác, đơn giản, tôi nghĩ chắc là giống người Việt Nam mình —

nghe đông là vui, rần rần rần, cái gì cũng phải đông mới thích!
Tôi nói chơi thôi, nhưng mà cũng đúng phần nào.
Dân tộc mình có cái “hiệu ứng đám đông”:
không có chủ kiến riêng, thấy đông là chạy theo.
Về nguồn gốc tâm linh, tôi nói vui là chắc pha giữa người Chăm, người Tàu, người Khmer,
còn phần tâm tính thì hơi giống Mông Cổ —
vì mình tu thiền kiểu “thiền Mông Cổ”: giữ cổ cho thẳng, giữ mông cho vững,
chứ còn cái đầu thì... không cần lắm!
Thì do cái kiểu tư duy và tâm thức của chúng sanh mỗi thời như vậy,
mà khi Phật xuất hiện trong những thời kỳ đó, Ngài thuyết pháp ngắn gọn lắm.
Thí dụ, một lần Phật thuyết pháp — ít thì vài ngàn người đắc đạo, nhiều thì vài chục ngàn, vài trăm
ngàn người.
Nghe một lần, đắc liền.
Pháp chỉ vài câu thôi, kiểu như:
“Giữ tâm thế này, đừng để tâm thế kia” —
vậy thôi, nghe xong là đắc A-la-hán một loạt.
Cho nên khi những phái đoàn thánh nhân ấy tịch diệt hết,
thì không còn ai để kết tập lại,
không còn hệ thống giáo pháp được lưu lại như thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nữa.
Đó là lý do tại sao có những thời kỳ, những vị Phật Chánh Đẳng Giác không để lại giáo pháp.
Còn những vị sinh ra trong hoàn cảnh giống thời Đức Phật Thích Ca thì mới có hệ thống Kinh–
Luật–Luận đồ sộ được kết tập lại thôi.

Hỏi:

Xin Sư giải thích từ Dhammānudhamma. Có thể hiểu là “thuận pháp” trong “tự duyên thuận pháp” không ạ?

Đáp:

Cái này ở trong Kālāma nói rồi nha. Đây là “ngựa hỏi” đó, vì đã nói rồi. Dhammānudhamma có nghĩa là thực hành Tam học và những gì hỗ trợ gián tiếp cho Tam học.

Thí dụ: mình tu Tứ niệm xứ, thì phải coi cách ăn, cách ở, cách thân cận thầy bạn. Những cái đó là hỗ trợ cho pháp tu.

Trong chú giải có nói: Dhamma ở đây là Chánh pháp siêu thế – bốn Đạo, bốn Quả, Niết-bàn. Còn anu-dhamma là những gì thuận ứng, phù hợp với tinh thần bốn Đạo, bốn Quả; cái gì thuận theo tinh thần giác ngộ–giải thoát thì gọi là anu-dhamma.

Cho nên hiểu Dhammānudhamma là “thuận pháp” (trong nghĩa “tự duyên thuận pháp”) là được, miễn đừng diễn dịch bừa. Nhớ kỹ chỗ này, đừng văn bậy.

Có người hỏi kiểu... “gài mìn” – không phải hỏi giáo lý mà mượn tay mình để khuấy động xã hội: nào chuyện chùa Ba Vàng, nào thầy Minh Tuệ... Nguyên tắc là tôi vẫn trả lời, nhưng đừng mượn lời của tôi để đi công kích ai. Phải cẩn thận mấy thứ đó.

Hỏi:

Dạ, câu hỏi này có bốn ý ạ.

Thứ nhất, tùy hỷ chỉ khởi tâm, không khởi hành động có được phước vật như người làm thiện không?

Thứ hai, tiến trình tâm của tùy hỷ trong A-tỳ-đàm như thế nào?

Thứ ba, vui với nhân lành và vui với quả lành của người khác thì việc nào cho phước báu lớn hơn?

Thứ tư, quả của người tùy hỷ có khi nào lớn hơn quả của người làm công đức không?

Đáp:

Bốn cái này tôi trả lời một phát một thôi. Không học A-tỳ-đàm căn bản mới lòi ra mấy cái thắc mắc này. Nhưng mà vẫn phải trả lời.

Câu đầu tiên, mắc cái chứng gì mà lôi riêng cái tùy hỷ ra coi lộ trình tâm thức của nó? Tùy hỷ là một tâm sở như bao nhiêu tâm sở khác. Mấy cái kia có lộ trình diễn biến ra sao thì tùy hỷ cũng y chang. Bây giờ quý vị muốn chém tôi, cái tâm nó diễn biến ra sao thì tùy hỷ cũng y chang vậy đó. Phước của người tùy hỷ liệu có lớn bằng, lớn hơn hay kém người làm? Lại một lần nữa, không chịu học giáo lý. Mình phải coi người làm họ làm bằng cái tâm gì. Giống như mình hỏi khơi khơi: “Cơm má tôi nấu ngon bằng mấy bà hàng xóm không?” Mình phải hỏi má tôi nấu bằng gạo gì, củi lửa ra sao, cái nồi là nồi đất, nồi kim loại, nồi thủy tinh hay nồi cơm điện, nhiều loại nồi lắm. Trong khi đó, người tùy hỷ thì phước có thể nhiều hơn chính chủ. Người ta dâng y bằng cái tâm thiện mà thụ động, yếu ớt, tiếc của, phân vân, chần chừ, ngại ngần, trong khi mình chỉ đi vô rửa nồi, lau chén, hút bụi mà vui thì công đức mình có thể lớn hơn. Tôi không khẳng định, nhưng có thể. Trong khi đó, chính chủ nhiều khi vì tám trăm lý do mà không hoan hỷ bằng. Nhớ rằng người tùy hỷ và chính chủ phải coi lại họ đã sống qua tâm trạng nào. Tùy hỷ mà kiêu xù xù ề ề thì làm sao phước nhiều bằng thí chủ được. Mà thí chủ mà xù xù thì làm sao bằng người tùy hỷ được. Cái chuyện này bắt buộc phải có nền giáo lý căn bản. Không có học A-tỳ-đàm thì cũng kẹt. Không học rồi tới hồi đi hành thiền mới tự nhiên lòi ra mấy cái này nè. Lúc đó hoang mang rồi bỏ đạo luôn. Hỏi thì ông nói gà, bà nói vịt. Làm ơn học giáo lý căn bản giùm. Đi tu thiền nó sướng hơn cái gì ở đây. Không học thì tối ngồi thiền thấy bà má mình chết tám năm rồi đứng đầu giường, rồi đẹp luôn, khỏi thiền. Cứ hoang mang suốt đêm không biết tại sao thấy má, do thương quá thấy má, hay má bị dọa, hay má đã siêu, hay má về muốn nói gì. Người có học giáo lý thì mấy cái đó không thắc mắc. Không chịu học, cứ tâm rỗng rang, khơi tâm vô chấp vô niệm, rồi tâm khơi vậy đó, nó muốn đắc gì đắc. Rồi, vậy xong.

Hỏi:

Bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp là bốn asaṅkheyya mahākappa và một trăm mahākappa, hay là bốn asaṅkheyya kappa và một trăm ngàn kappa?

“Đại kiếp” ở đây là mahākappa hay chỉ là kappa?

Nếu là kappa, thì là kappa của kiếp người hay kiếp trái đất?

Con đọc trên mạng nhưng không biết tiếng Pāli nên vẫn chưa rõ.

Đáp:

Rồi rồi, nghe kỹ nè.

Chữ asaṅkheyya (A-tăng-kỳ) có hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất, nó là một con số.

Nghĩa thứ hai, nó là một đơn vị thời gian.

Thí dụ như chữ “năm” trong tiếng Việt.

Chữ “năm” cũng có hai nghĩa. Nghĩa một là con số — $4 + 1$, $3 + 2$, $10 - 5$, vậy đó.

Nhưng nghĩa hai của chữ “năm” là một đơn vị thời gian, gồm 365 ngày, 52 tuần và 12 tháng.

Thì chữ asaṅkheyya ở đây cũng vậy, có hai trường hợp.

Trường hợp thứ nhất: nó là một lần tăng và giảm tuổi thọ của chúng sinh, từ 10 tuổi lên đến A-tăng-kỳ năm, rồi từ A-tăng-kỳ năm tụt xuống còn 10. Một chu kỳ tăng-giảm như vậy gọi là một asaṅkheyya-kappa, tức một A-tăng-kỳ kiếp.

Trường hợp thứ hai: khi nói đến thời gian hành Ba-la-mật của chư Bồ-tát, thì A-tăng-kỳ ở đó là một con số, chứ không phải đơn vị thời gian.

Một asaṅkheyya là con số 10 mũ 140, tức một cộng với 140 con số 0 phía sau.

Cho nên khi nói “Bồ-tát hành bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp”, thì bốn A-tăng-kỳ này phải hiểu là con số, không phải đơn vị thời gian.

Nhớ kỹ nha. Nó giống như chữ “năm” trong tiếng Việt — có lúc là con số, có lúc là đơn vị thời gian.

Hỏi:

Khi làm việc trong một văn phòng ồn ào, nhiều người nói chuyện phiếm cùng một lúc trong một khoảng thời gian khá dài, con niệm “đang nghe” và “khó chịu” nhưng vẫn cảm thấy bị cuốn vào đó, vẫn nghe hiểu nội dung họ nói, vẫn khó chịu. Con phải niệm như thế nào cho đúng?

Đáp:

Cái này là kiểu uống thuốc mà bị ngộ độc thuốc, hay ăn cơm mà bị trúng thực, kiểu vậy đó.

Trong bốn niệm xứ – thân, thọ, tâm, pháp, không phải lúc nào cũng chỉ có một cái để “chiêu”.

Cái mà ngài dạy, ví dụ như “niệm đi”, “niệm đỡ bước”, “niệm nhai”, “niệm nuốt”, “niệm nấu”... thì nghĩa là cái gì nổi bật nhất thì ghi nhận cái đó.

Ví dụ như mình ngồi giữa một đám “quân Nguyên” mà nó rần rần rần, nói toàn tiếng Mông Cổ um sùm, bật ra như vậy — thì mình không muốn nghe, vẫn có tới tám trăm năm mươi ngàn cách để giải quyết.

Một là đứng dậy đi ra, nếu có thể.

Để vậy thôi. Trong Kinh gọi là pariyāna — tức là giải quyết vấn đề bằng cách tránh né.

Còn nếu không tránh được thì tu tập Thất Giác Chi. Trong bảy chi đó, cái nào tu được thì tu.

Ví dụ mình thấy Định giác chi là hợp, thì tập trung vào cái gì quan trọng nhất.

Mình tìm một việc để chuyên chú vào — đọc một cái gì đó, hoặc làm một việc gì cần tập trung.

Không lẽ nói không có cái gì để tập trung? Có chứ.

Như tôi, mấy lần khó ngủ, tôi mở mấy cái bài tiếng Việt mà khó hiểu để nghe, hoặc đọc ngoại ngữ, đọc một hồi là ngủ luôn — vì phải tra từ điển, mệt, là ngủ à.

Nhiều cách lắm.

Cho nên cách thứ nhất là chú ý cái gì nổi bật nhất.

Cách thứ hai là kiếm cái gì để mà “dúi đầu vô”, tức là chuyên tâm vào đó.

Rồi mình đọc tâm mình: mình đang bức nè, biết rõ là đang bức nè, cái bức này đang có mặt nè.

Biết cái bức này do mấy tiếng ồn đó.

Biết mình sắp có phản ứng sai, sắp nói bậy, sắp gây hiềm khích.

Thì... mình phải tự cứu mình thôi chứ không lẽ để tăng xông, đứt gân máu thì sao?

Thấy được thì đứng dậy, bỏ ra ngoài.

Phòng mà rần rần vậy, là biết không phải giờ làm việc; mà nếu đúng giờ làm việc thì mình rút lui.

Còn nếu không rút được, thì lấy cái headset nhét vô lỗ tai, rồi kiếm cái gì đọc, cái gì làm, càng khó càng tốt.

Kiểm việc để làm mà việc nào có sức hút lớn, nó tự hút mình vô.

Tôi từng nhập đại định bằng điện thoại, ở nhà ga, phi trường bên Thụy Sĩ.

Một rừng người mà tôi móc cái phone ra đọc, quên mất tiêu, tàu tới còn không hay.

Tàu tới tôi không hay thiệt, chỉ có nhà ga sắp đề tôi thì tôi mới biết thôi.

Vấn đề là mình đọc cái gì, coi cái gì, chứ có xá gì cái văn phòng!

Văn phòng sao bằng phi trường hay sân ga — mà tôi còn nhập vô được, thì trời sắp tôi cũng không hay.

Đó là điện thoại tam-muội, internet tam-muội, Facebook tam-muội đó.

Hỏi:

Vì sao Đức Phật lại tách riêng thọ, tưởng, thức khi trình bày năm uẩn?

Đáp:

Cái này có thể tám trăm lý do. Tám trăm lý do lận.

Chuyện thứ nhất là Ngài muốn nêu bật, muốn tô đậm những cái gọi là pháp giới, những yếu tố làm nên sự khác biệt của chúng sinh và phân định vũ trụ.

Những cái đó có vai trò rất nổi bật trong đời sống thường nhật của chúng sinh.

Thọ — học lơ mơ thì không thấy nó quan trọng.

Nhưng mà, cái gì làm cho anh vui? Cái gì làm cho anh buồn? Cảm giác nào anh đang theo đuổi?

Cảm giác nào anh đang trốn chạy?

Tôi chỉ cần nhìn vào mấy cái đó là tôi biết con người anh là gì, và anh đang ở cõi nào.

Ví dụ:

Trên cõi Phạm thiên — không có gì dễ trốn chạy, không có tâm sân, không có thọ ưu, tuyệt đối không.

Chỉ có cõi Dục mới có vui buồn, dễ chịu – khó chịu.

Rồi trong cái đám cõi Dục, coi cái niềm vui của mỗi người là gì.

Pháp thiện làm cho người đó dễ chịu, hay pháp ác làm cho người đó dễ chịu?

Người lành làm cho họ vui hay khó chịu?

Pháp thiện làm họ khó chịu hay an vui?

Đó là chỗ quan trọng.

Thọ chính là thước đo tâm tánh.

Cái gì làm ta vui, buồn, dễ chịu, khó chịu — chính cái đó phản chiếu nghiệp và cõi của mình.

Tướng — toàn bộ thế giới này, con người chỉ có ba cách nhìn về thế giới thôi.

Cách một là nhìn bằng thức — tức là qua sáu giác quan, đơn thuần, không thiện ác.

Cách hai là nhìn qua tướng — tức là qua kinh nghiệm, hồi ức, liên tưởng, hình dung, kiến thức.

Cái tướng này mạnh lắm. Chính tướng làm nên vũ trụ.

Có ba loại tướng:

- Dục tướng — là những quan niệm, khái niệm, ấn tượng về thế giới vật chất: vuông, tròn, dài, ngắn, đẹp, xấu, cao, thấp... Toàn là khái niệm, concept, opinion.
- Thiên tướng — là cái tướng của người tu thiền, gom vô lượng vũ trụ vào trong vài đề mục: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng.
- Quán tướng — là những nhận biết ban đầu của hành giả tuệ quán: đi biết đi, ngồi biết ngồi, ăn biết ăn, nhai biết nhai, duỗi tay co tay biết rõ — đó là quán tướng.

Rồi còn có trí tuệ tri — tức là biết cái đó là gì: thiện ác, nhân quả, vô thường, khổ, vô ngã, duyên sinh, uẩn xứ giới đế.

Cho nên cái tướng rất quan trọng.

Nhớ nha, thọ – tướng quan trọng lắm.

Thức — chính cái thức là sự phân định vũ trụ.

Có những cảnh giới không đủ sáu thức.

Ví dụ:

- Cõi Dục giới: đủ sáu thức.
- Cõi Phạm thiên sắc giới: chỉ có ba thức.
- Cõi vô sắc: có một thức.
- Còn Phạm thiên vô tướng: không có thức nào hết.

Nhớ cái đó.

Cho nên tùy cõi mà có đủ sáu thức hay không.

Ngay trong cõi có sáu thức, chúng sinh cũng khác nhau: có người dùng mắt nhiều, có người tai nhiều, mũi nhiều, lưỡi nhiều, thân nhiều, ý nhiều.

Cái thức rất quan trọng — nó là khung sườn của vũ trụ, là nền tảng tư duy, nhận thức, cảm thụ đời sống.

Làm sao mà không quan trọng được!

Còn nhớ nha, cách phân tích này không phải tuyệt đối.

Có lúc Đức Phật không phân tích theo năm uẩn, mà chia thành danh và sắc, hay tâm và vật.

Có khi Ngài chia thành sáu căn – sáu trần – sáu thức, tức mười tám giới.

Cho nên không phải lúc nào cũng năm uẩn, nhưng khi Ngài chọn năm uẩn, là để nêu bật những yếu tố phân biệt vũ trụ và bản chất của chúng sinh — đặc biệt là thọ, tướng, thức.

Hỏi:

Trong Kinh Đại Bát Niết-bàn có câu:

“Hãy tự là hải đảo, hãy lấy Chánh Pháp làm chỗ nương tựa.”

Vậy trong thời đại ngày nay, đối với người sơ cơ, chúng con dựa vào tiêu chí nào để biết đó là Chánh Pháp để tu tập?

Đáp:

Không có “thời nào” hết trơn á!

Từ thời Đức Phật ra đời cho tới bây giờ gần 3.000 năm, không có thời nào lời dạy đó lỗi thời.

Lúc nào cũng phải lấy Chánh Pháp làm thầy — ngay cả thời Đức Phật còn tại thế.

Ngay cả khi mỗi ngày đánh lễ Phật, mỗi ngày gặp Phật, mỗi giờ thương kính Phật, các vị tỳ kheo, cư sĩ cũng vẫn phải sống theo Pháp.

Sống theo Pháp là sao?

Là sống theo điều Phật dạy, theo cách Phật sống, Phật ăn, Phật ngồi, Phật nói, Phật im lặng — tất cả đều là Pháp.

Cho nên thời nào cũng vậy, không thay đổi.

Còn thời nay, việc đầu tiên là đừng để mình bị cuốn hút bởi những cái khinh – trọng, thích – ghét.

Vì thời này, thánh hiền hơi hiếm.

Mà nếu mình đi theo một cá nhân nào đó chỉ vì lòng thương kính, là rất nguy hiểm.

Còn nếu bất mãn ai đó, thì cũng không cần thiết.

Giờ tới chuyện thực tế:

Tự học được hay không?

Nếu tự học được, thì học đi.

Tự tu được hay không?

Nếu được, thì tu.

Còn nếu không tự học, tự tu được, thì phải kiếm một chỗ mình thấy tin cậy, trong nước hay ngoài nước đều được.

Còn hỏi tôi “nên tìm ở đâu” thì tôi chịu.

Tôi đâu biết căn cơ của từng người — mỗi người hợp một kiểu khác nhau.

Có người, họ không cần ông thầy thuộc lòng Tam Tạng,

chỉ cần một ông thầy ăn nói nhỏ nhẹ, răng trắng, trán rộng, tay dài, giọng truyền cảm, dạy đúng một pháp môn niệm Phật, vậy là đủ rồi.

Khô vậy đó, chỉ cần một ông đó thôi là tu được.

Có người thì phải ở gần thầy, theo thầy lên rừng, lên núi, làm rẫy,

rồi thỉnh thoảng thầy nói cho vài câu, hai ba câu thôi mà đủ tu được.

Cũng có thầy giao cho học trò cái bình bát, rồi đi trước,

đệ tử đi sau, đi khát thực, xong về nghỉ địa ngồi,

thầy chỉ phán cho vài câu, vậy cũng đủ.

Mà cũng có ông thầy là học giả,

đưa cho đệ tử 20 bộ Kinh, nói:

“Nhai cho hết, nuốt cho sạch!”

— cũng là một cách tu.

Cho nên tôi đâu có biết quý vị thuộc kiểu nào.

Câu hỏi này, nội dung của nó gần giống như những câu trước, tức là:

Phải xác định rõ lý do, mục đích, nhu cầu khi mình tìm đến Phật Pháp.

Biết rõ cái đó rồi, mới có câu trả lời cho chuyện:

– mình nên học cái gì,

– theo ai,

– ở mức độ nào,

– và với cường độ ra sao.

Đó, vậy thôi.